

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy Gia Lai về hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định 764/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thị xã thành phố;

Căn cứ Quyết định 765/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định 767/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*), cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023

Trong năm 2023, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai Chương trình của cấp trên; HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản triển khai thực hiện Chương trình theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, vì vậy Chương trình đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; kế hoạch thực hiện đã đề ra 27 chỉ tiêu, tính đến cuối năm 2023 có 21 chỉ tiêu vượt hoặc đạt kế hoạch đề ra; 06 chỉ tiêu không đạt, cụ thể:

+ Các chỉ tiêu xây dựng đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra cụ thể như sau: Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) năm 2023 giảm 4,21% so với năm 2022; số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông hóa chiếm 99,43%; số thôn, làng có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa chiếm 99,92%; tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố 87,2%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp chiếm 99,99%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh chiếm 97,7%; tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình 100%; tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe phát thanh 95%; tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường chiếm 97,9%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học chiếm 96,1%; học trung học cơ sở chiếm 92,1%; học trung học phổ thông chiếm 48,1%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông chiếm 78,2%; tỷ lệ người đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế 82,0%; tỷ lệ điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư, khai thác song song với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống 23,5%; 100% hướng dẫn viên du lịch được đào tạo, tập huấn kiến thức về văn hóa truyền thống các DTTS trên địa bàn; 97,8% thôn, làng có nhà sinh hoạt cộng đồng; 49,0% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS; 81,99% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề; 88,24% đơn vị hành chính cấp huyện có phòng Dân tộc; 100% đơn vị hành chính cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) có cán bộ phụ trách công tác dân tộc (tuy nhiên chủ yếu là cán bộ bán chuyên trách).

+ 06 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra và nguyên nhân:

- Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu: Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS đến năm 2023 là 50%, tuy nhiên kết quả tính đến cuối năm 2023 chỉ đạt 21,66%. Nguyên nhân: Đối với đất ở và đất sản xuất: Nhiều địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ theo quy định; định mức hỗ trợ của nhà nước và định mức cho vay của ngân hàng chính sách xã hội còn thấp, hộ nghèo không có kinh phí để mua được đất. Chỉ tiêu này đến nay chỉ hỗ trợ được

nhà ở còn nội dung hỗ trợ đất ở, đất sản xuất thực hiện được rất thấp so với kế hoạch đề ra.

- Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu: Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc được sự trợ giúp của cán bộ y tế là 84,8% tuy nhiên kết quả chỉ đạt 75,4%. Nguyên nhân: Do người dân chủ yếu đi siêu âm các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, không đi khám thai định kỳ tại các cơ sở y tế công lập nên việc thu thập số liệu tại các tuyến vẫn còn bỏ sót do thu thập khai thác trên bệnh nhân, mặc khác một số trường hợp phát hiện thai đã qua 3 tháng nên khám thai chưa đầy đủ (ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ của thai kỳ); một số phụ nữ mang thai ở vùng sâu vùng xa nên còn sinh con tại nhà, không đến được các cơ sở y tế.

- Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là dưới 17% tuy nhiên kết quả tính đến cuối năm 2023 chỉ đạt 19,5%. Nguyên nhân: Do người đồng bào DTTS làm nương rẫy xa, điều kiện kinh tế còn khó khăn ít được tiếp cận các dịch vụ y tế; kết quả điều tra thực tế cho thấy hầu như trẻ ăn không đủ 4 nhóm thực phẩm nên tỷ lệ suy dinh dưỡng còn nhiều.

- 03 chỉ tiêu về Văn hóa: Tỷ lệ di sản văn hóa truyền thống được kiểm kê, sưu tầm; tỷ lệ di tích xếp hạng được bảo vệ và chống xuống cấp; tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên, có chất lượng theo kế hoạch lần lượt là 55%, 90% và 55%. Tuy nhiên tại thời điểm báo cáo do chưa đến thời điểm tổng hợp, số liệu đánh giá đang lấy tại thời điểm cuối năm 2022 nên không đạt chỉ tiêu đề ra. Hiện tại, theo kế hoạch đang triển khai điền dã, khảo sát để thu thập thông tin, điền phiếu điều tra, việc tổng hợp ở cấp huyện theo kế hoạch sẽ hoàn thành vào tháng 5/2024.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Chương trình vẫn còn tồn tại một số hạn chế: Chương trình còn lúng túng về cơ chế (tính đến tháng 8 năm 2023, Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính mới ban hành các thông tư sửa đổi, bổ sung các thông tư đã hướng dẫn trước đây để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong thực hiện Chương trình) dẫn đến triển khai chậm, tỷ lệ giải ngân còn thấp. Các dự án, tiểu dự án của Chương trình chưa thực hiện đồng bộ, còn một số tiểu dự án chưa triển khai do không còn đối tượng thụ hưởng hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định (Nội dung 1 và Nội dung 3 - Dự án 1; Tiểu dự án 1 - Dự án 9).

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 và Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh trong năm 2024.

2. Yêu cầu

Bám sát các nội dung đã được phê duyệt và căn cứ nhiệm vụ cụ thể được

phân công tại Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 và Kế hoạch số 1290/KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Chương trình trong năm 2024.

Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh; nâng cao đời sống người dân, góp phần giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào DTTS&MN.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2024

Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2024 chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

Phạm vi, đối tượng, địa bàn thụ hưởng cụ thể của từng Dự án, Tiêu dự án, Nội dung thuộc Chương trình áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

V. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

Triển khai các nội dung thuộc Chương trình, bao gồm:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- **Nội dung 01:** Hỗ trợ đất ở, giải quyết đất ở cho hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.

- **Nội dung 02:** Hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ cho hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng.

- **Nội dung 03:** Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

+ Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được chính quyền địa phương xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo quy định tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- **Nội dung 04:** Hỗ trợ nước sinh hoạt

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Cho hộ DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt thì được xem xét hỗ trợ để tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Cho khu vực đồng bào DTTS sinh sống thành cộng đồng (xóm, thôn, làng, xã thuộc vùng DTTS&MN) chưa có nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, phù hợp xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung, địa bàn chưa được đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung thì được xem xét, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung. Trường hợp đã được hỗ trợ công trình nước sinh hoạt theo các chương trình, chính sách hỗ trợ khác nhưng hiện nay đã hư hỏng nặng, không sử dụng được thì được xem xét, đầu tư..

- Giao UBND cấp huyện tổ chức phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt để làm cơ sở thực hiện chính sách.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Lập, thẩm định, phê duyệt 03 dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư của huyện Chư Păh và huyện Đak Đoa.

- Triển khai thực hiện thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng đối với 13 dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung và ổn định tại chỗ đã hoàn thành thủ tục đầu tư.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo, cộng đồng dân cư thôn tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại các xã khu vực II, khu vực III thực hiện bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ cho hộ gia đình thực hiện trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch phát triển rừng sản xuất được giao.

- Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển

lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

- **Nội dung số 01:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Trong đó, ưu tiên thực hiện các nội dung sau:

. Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

. Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới; áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

. Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, cộng đồng: Trong đó, ưu tiên hỗ trợ các nội dung sau:

. Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

. Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

- **Nội dung số 03:** Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

+ Hỗ trợ các mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, hoạt động quảng bá các sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Hỗ trợ xây dựng và thực hiện mô hình tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Tổ chức các lớp tập huấn.

+ Tổ chức các phiên chợ, hội chợ, hội thảo giao lưu kết nối, triển lãm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, hội nghị xúc tiến đầu tư sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

- **Nội dung số 01:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn

. Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng;

. Đầu tư cứng hóa đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã) 29km;

. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

- **Nội dung số 02:** Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN: Đầu tư xây mới 3 chợ vùng đồng bào DTTS&MN.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- **Nội dung 01:** Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), có học sinh bán trú (HSBT):

+ Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác cho các trường PTDTNT, trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT giai đoạn 2021-2025.

+ Thực hiện mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5, lớp 9 cho các trường PTDTNT, trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT.

- **Nội dung 02:** Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có HSBT:

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT, trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT.

- **Nội dung 03:** Xóa mù chữ (XMC) cho người dân vùng đồng bào DTTS: Tổ chức mở lớp dạy học XMC cho người dân vùng đồng bào DTTS; bồi dưỡng, tập huấn, truyền thông, tuyên truyền XMC; hỗ trợ người dân tham gia học XMC; hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

+ Bồi dưỡng kiến thức dân tộc:

. Cấp tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với các cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3,4 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025” (sau đây viết tắt là Quyết định số 771/QĐ-TTg) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

. Cấp huyện tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 4 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Bồi dưỡng tiếng DTTS: Tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng DTTS Bahnar, Jrai cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào DTTS.

- Nội dung 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

Trên cơ sở rà soát đăng ký nhu cầu đào tạo của UBND cấp huyện, các Sở, ban, ngành, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học theo quy định tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, triển khai ký hợp đồng đặt hàng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học.

c) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Tổ chức các Đoàn công tác học tập, trao đổi kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (tài liệu đã được phê duyệt tại Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 và Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Ủy ban Dân tộc; Quyết định số 1817/QĐ-BDT ngày 04/12/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai).

- Tổ chức thực hiện các nội dung khác đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS.

- Hỗ trợ Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú người DTTS trong việc

lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, tổ chức các hoạt động phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một.

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS.

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng tái định cư.

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào DTTS&MN kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN:

- + Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho trung tâm Y tế huyện Kông Chro.

- + Hỗ trợ đào tạo nhân lực y tế cho huyện nghèo, vùng khó khăn.

- + Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã.

- + Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

- + Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản.

- + Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN:

+ Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

+ Ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS&MN, khu vực biên giới

+ Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS&MN.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS:

+ Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể trạng người DTTS.

+ Chăm sóc sức khỏe, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em.

+ Tuyên truyền, vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo Chương trình.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Hoàn thành chỉ tiêu thành lập và duy trì Tổ truyền thông cộng đồng, khuyến khích huy động sự tham gia của nam giới và người có uy tín trong cộng đồng; tiếp tục duy trì, nâng chất lượng hoạt động của mô hình tổ truyền thông cộng đồng đã được thành lập.

- Xây dựng chương trình truyền thông trên các kênh truyền thông đại chúng, trang thông tin điện tử của các cấp Hội, của địa phương và tổ chức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

- Tổ chức các Hội thi, liên hoan các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ trẻ em tại các cấp; tư liệu hóa các sáng kiến, mô hình, giải pháp hiệu quả từ cuộc thi/liên hoan và tuyên truyền, nhân rộng.

- Đối với các địa bàn triển khai 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em: đẩy nhanh tiến độ thực hiện chi hỗ trợ đảm bảo chế độ chính sách cho phụ nữ và trẻ em theo quy định của Dự án; theo dõi, giám sát thực hiện gói chính sách.

b) Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Hỗ trợ các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ ứng dụng khoa học công nghệ theo hướng dẫn trong Sổ tay hướng dẫn hoạt động “Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS” do Trung ương Hội LHPN Việt Nam ban hành.

- Hoàn thành chỉ tiêu triển khai củng cố, nâng cao chất lượng các địa chỉ tin cậy và chú trọng nâng chất lượng hoạt động của địa chỉ tin cậy đã được thành lập.

- Triển khai các hoạt động truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề xã hội cấp thiết của phụ nữ, trẻ em, đẩy mạnh truyền thông vào dịp Ngày gia đình Việt Nam (28/6), Tháng hành động vì Trẻ em (1-30/6), Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới (15-11 – 15/12).

c) Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động củng cố, nâng cao năng lực thực hiện đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản; tổ chức các cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản, các cuộc hội thảo, tọa đàm phù hợp tại các cấp (lựa chọn nội dung đối thoại phù hợp, thiết thực, giải quyết được những vấn đề đang đặt ra, khó khăn của phụ nữ, trẻ em tại địa phương) đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra đến năm 2025. Giám sát và phản biện xã hội đối với các chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em gái, bình đẳng giới tại địa phương.

- Tổ chức các cuộc truyền thông, trình diễn mẫu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới.

- Hoàn thành chỉ tiêu thành lập, vận hành các Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” (CLB) trong trường học và cộng đồng tại địa bàn Dự án theo chỉ tiêu được giao giai đoạn 1; tiếp tục duy trì, nâng chất lượng hoạt động mô hình CLB.

- Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG DTTS & MN theo tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá dự án 8 và lồng ghép giới trong Chương trình do Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã ban hành; chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cấp Hội địa phương theo dõi, giám sát thực hiện Dự án 8 và các chỉ số có liên quan đến giới trong các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình có sự tham gia của đại diện các ngành, các cấp liên quan tại địa phương.

- Rà soát, tổng hợp, theo dõi số liệu cán bộ nữ DTTS đang tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị tại địa phương.

d) Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản và

người có uy tín trong cộng đồng.

Tập trung hoàn thành tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cấp (huyện, xã và thôn/bản) theo tài liệu hướng dẫn của Trung ương; tiến hành đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ sau khi tham gia đào tạo, tập huấn theo 03 chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN

a) Truyền thông, nâng cao nhận thức chuyên môn nghiệp vụ

- Truyền thông nâng cao nhận thức:

+ Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình: Biên soạn tài liệu tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, gia đình, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN; tài liệu hỏi đáp về hôn nhân, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu tuyên truyền pháp luật về hôn nhân, dân số và gia đình; biên soạn sổ tay, tài liệu cung cấp thông tin, kiến thức về hôn nhân và gia đình; sức khỏe sinh sản.

+ Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật, về hôn nhân, về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật:

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương.

+ Cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyên truyền và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham quan, học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương.

b) Công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép

Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp, lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỉ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

Thực hiện triển khai nhân rộng mô hình điểm và các mô hình chuyên đề phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- Địa bàn, số lượng, quy mô thực hiện

+ Địa bàn thực hiện mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Số lượng: căn cứ vào tình hình thực tế để các địa phương triển khai thực hiện mô hình.

- Hoạt động của mô hình.

+ Tổ chức tập huấn thực hiện Mô hình cho cán bộ và các đối tượng tham gia thực hiện Mô hình.

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở.

+ Thành lập các điểm truyền thông vận động, câu lạc bộ, các nhóm nòng cốt như người có uy tín trong cộng đồng, nhóm phụ nữ; thanh niên, học sinh, sinh viên người DTTS tại các thôn bản, trường học để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn, can thiệp nhằm thay đổi hành vi, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cả cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Thành lập tổ tư vấn về sức khỏe sinh sản, sức khỏe giới tính cho các đối tượng thanh thiếu niên người DTTS.

+ Biên soạn, in ấn, cung cấp sản phẩm truyền thông phù hợp phục vụ các hoạt động tuyên truyền của mô hình.

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết

- Tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Dự án.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030

- **Nội dung số 01:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

+ Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN; Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến. Định kỳ tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực, vùng miền.

+ Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN

+ Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với vùng miền, địa phương cấp huyện, tỉnh, khu vực và toàn quốc), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng DTTS), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ DTTS.

+ Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đặt hàng cấp một số ấn phẩm, tạp chí cho vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025.

+ Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS&MN theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tuyên truyền, truyền thông, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

- Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN

+ Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng DTTS&MN.

+ Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS phủ sóng trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho DTTS.

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Triển khai thực hiện hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

- Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030;

- Triển khai nội dung hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát, đánh giá do các cơ quan cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện triển khai thực hiện Chương trình.

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

- Tổ chức giám sát phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

- Tham gia các lớp tập huấn, hội nghị về cơ chế kiểm tra, giám sát hoặc liên quan đến việc kiểm tra, giám sát Chương trình do các Bộ, ngành Trung ương và tỉnh tổ chức.

VI. KẾ HOẠCH VỀ NGUỒN VỐN

Nguồn vốn kế hoạch Chương trình năm 2024 là **799.453** triệu đồng (chưa bao gồm nguồn năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024; các nguồn vốn tín dụng và nguồn hợp pháp khác). Trong đó:

1. Ngân sách Trung ương là 709.550 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 410.517 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 299.033 triệu đồng.

2. Ngân sách tỉnh là 89.903 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 60.000 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 29.903 triệu đồng;

Phân bổ nguồn vốn chi tiết từng dự án thành phần theo các Quyết định giao vốn của UBND tỉnh liên quan đến Chương trình.

VII. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh (Cơ quan chủ trì Chương trình)

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách, dự án của Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý các vướng mắc (nếu có); định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho UBND tỉnh và Trung ương.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh

Theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 1602/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh, chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình do đơn vị chủ trì, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình trong kế hoạch năm 2024; đồng thời, tổ chức kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do đơn vị chủ trì cho cơ quan chủ trì Chương trình và theo yêu cầu của các cấp, các ngành có thẩm quyền.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện rà soát nhu cầu vay vốn năm 2024; tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện cho vay theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 theo đúng mục tiêu Chương trình.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh: Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền Chương trình; đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện Chương trình ở địa phương.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn quản lý, chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện ở cấp xã, nhất là về cơ chế, chính sách sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn đầu tư công.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình năm 2024 ở địa phương và báo cáo các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh có liên quan theo quy định.

VIII. VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả thực hiện Chương trình và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đề ra tại Kế hoạch này về UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp) theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về Quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQG (b/c);
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- NHNN Việt Nam CN tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp

Phụ lục 1

ĐÁNH GIÁ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2023 VÀ XÂY DỰNG MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu Năm 2023	Mức độ hoàn thành đến cuối năm 2023	Chỉ tiêu Năm 2024	Cơ quan chủ trì đề xuất, theo dõi và báo cáo mức độ hoàn thành chỉ tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Về giảm nghèo					
	Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số	Bình quân >3%/năm	>3%	4,21%	>3%	Sở Lao động - TB&XH
2	Về thu nhập					
	Phần đầu tăng mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số	Tăng >2 lần so với năm 2020	-	-	-	Cục Thống kê
2	Về bố trí, sắp xếp ổn định dân cư					
	Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư	100%	-	-	-	Ban Dân tộc
	Sắp xếp, bố trí ổn định hộ di cư không theo quy hoạch	95%	-	-	-	Ban Dân tộc
	Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số	100%	50%	21,66%	60%	Ban Dân tộc
3	Về hạ tầng					
	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa	100%	99,43%	99,43%	100%	Sở Giao thông vận tải
	Tỷ lệ thôn, làng có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	100%	98,95%	99,92%	99,92%	Sở Giao thông vận tải
	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	100%	86,60%	87,20%	93,30%	Sở Giáo dục & ĐT
	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	100%	-	-	-	Sở Y tế
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	100%	99,99%	99,99%	99,99%	Sở Công thương
	Tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	95%	92%	97,70%	97,70%	Sở NN&PTNT
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe phát thanh					

-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình	100%	100%	100%	100%	Sở Thông tin và TT
-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe phát thanh	100%	90%	95%	95%	Sở Thông tin và TT
4	Về giáo dục - đào tạo					
	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	>98%	97,7%	97,9%	97,9%	Sở Giáo dục & ĐT
	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học	>97%	96,1%	96,1%	96,6%	Sở Giáo dục & ĐT
	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở	>95%	90,30%	92,1%	92,7%	Sở Giáo dục & ĐT
	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông	>60%	47,5%	48,1%	53,9%	Sở Giáo dục & ĐT
	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	>90%	78,2%	78,2%	84,2%	Sở Giáo dục & ĐT
5	Về y tế					
	Tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	98%	77,0%	82,0%	90%	Bảo hiểm XH tỉnh
	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc được sự trợ giúp của cán bộ y tế	>85%	84,8%	75,4%	85,0%	Sở Y tế
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	<15%	17,0%	19,5%	15,8%	Sở Y tế
6	Về văn hóa					
	Tỷ lệ di sản văn hóa truyền thống được kiểm kê, sưu tầm	65%	55%	50%	60%	Sở Văn hóa, TT&DL
	Tỷ lệ di tích xếp hạng được bảo vệ và chống xuống cấp	100%	90%	81%	95%	Sở Văn hóa, TT&DL
	Tỷ lệ điểm du lịch được hỗ trợ đầu tư, khai thác song song với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống	30%	10%	23,50%	23,50%	Sở Văn hóa, TT&DL
	Tỷ lệ hướng dẫn viên du lịch được đào tạo, tập huấn kiến thức về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn	30%	10%	100%	100%	Sở Văn hóa, TT&DL
	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	≥93%	92,30%	97,80%	97,80%	Sở Văn hóa, TT&DL
	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên, có chất lượng	65%	55%	50%	60%	Sở Văn hóa, TT&DL
7	Về lao động, việc làm					
	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số	50%	47,20%	49,00%	49,00%	Sở Lao động - TB&XH
	Tỷ lệ người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề	83%	81,80%	81,99%	82,40%	Sở Lao động - TB&XH
8	Về đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc					
	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có phòng Dân tộc	>88%	>88%	88,24%	-	Ban Dân tộc
	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có cán bộ phụ trách công tác dân tộc	100%	100%	100%	100%	Ban Dân tộc

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ THỨC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (ND3, TDA 2, DA 3) THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Stt	Đơn vị	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện		Ghi chú
		I. Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh	II. Tổ chức hoạt động thu hút đầu tư, hội chợ, triển khai thúc đẩy và tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN	
I	Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh			
1	Ban Dân tộc tỉnh		Tổ chức 05 lớp tập huấn	
2	Hội Nông dân tỉnh		Tổ chức 01 phiên chợ nông sản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
			Truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm nông nghiệp của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh	
			Tổ chức 06 lớp tập huấn	
3	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh		Tổ chức chương trình quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm của thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và sản phẩm nông sản OCOP cho các hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
			Tổ chức 03 lớp tập huấn	
4	Liên minh Hợp tác xã tỉnh		Tổ chức 03 lớp tập huấn	
5	Sở Công Thương		Tổ chức 01 hội chợ giới thiệu sản phẩm đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Gia Lai	
			Tổ chức 04 phiên chợ giới thiệu sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Gia Lai	
II	Các huyện, thị xã			
1	Thị xã An Khê		Tham gia 01 phiên chợ nông sản thị xã	

2	Huyện Chư Păh	Hỗ trợ 03 mô hình	Tổ chức 03 lớp tập huấn	
			Truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xây dựng phóng sự truyền thông hoặc in ấn tờ rơi, băng rôn, pano, áp phích...)	
			Tổ chức 01 hội chợ triển lãm thúc đẩy, kết nối tiêu thụ sản phẩm đặc trưng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
3	Huyện Chư Prông		Tổ chức 04 hội chợ nông sản thu hút đầu tư, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
4	Huyện Chư Puh	Hỗ trợ 01 mô hình	Tổ chức 01 hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
			Tổ chức 01 Hội chợ	
5	Huyện Chư Sê		Tổ chức 05 lớp tập huấn	
6	Huyện Đak Đoa	Hỗ trợ 02 mô hình	Tổ chức 02 lớp tập huấn	
			Truyền thông nhằm quảng bá các sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
			Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
7	Huyện Đak Pơ	Hỗ trợ 01 mô hình	Tổ chức 01 phiên chợ kết nối, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
8	Huyện Đức Cơ	Hỗ trợ 02 mô hình	Tổ chức 01 hoạt động xúc tiến đầu tư	
			Tổ chức 04 Hội chợ	
9	Huyện Ia Grai		Tổ chức 01 phiên chợ giới thiệu sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
10	Huyện Ia Pa	Hỗ trợ 02 mô hình	Tổ chức 02 lớp tập huấn	
			Tổ chức 01 hội chợ nông sản, thực phẩm an toàn	
11	Huyện Kbang	Hỗ trợ 02 mô hình	Tổ chức 01 hội chợ nông sản	
			Tổ chức 01 phiên chợ văn hóa gắn với thương mại du lịch	
12	Huyện Kông Chro	Hỗ trợ 02 mô hình	Tổ chức 03 hội chợ	
13	Huyện Krông Pa	Hỗ trợ 06 mô hình		

14	Huyện Mang Yang	Hỗ trợ 07 mô hình	Tổ chức 01 hội chợ	
			Truyền thông nhằm quảng bá sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	
			Tổ chức 02 tập huấn	
15	Huyện Phú Thiện	Hỗ trợ 02 mô hình	Tổ chức 01 hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	
			Hỗ trợ xây dựng và thực hiện 01 mô hình nhằm tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	